

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27- 4 -2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Quý

Ông Nguyễn Văn Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Điều Thị D, sinh năm 1991 “có mặt”;

- Bị đơn: Ông Điều H, sinh năm 1983 “vắng mặt”;

Cùng nơi cư trú: thôn Bù Tam, xã P, huyện Bp, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Lời trình bày của bà Điều Thị D tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Điều Thị D và ông Điều H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bp, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 63 ngày 07 tháng 12 năm 2010. Trong thời gian chung sống bà Điều Thị D và ông Điều H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông Điều H thường hay uống rượu không lo làm ăn, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà D. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên bà Điều Thị D, ông Điều H đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà Điều Thị D

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Điều H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà D có 02 người con chung là Điều Thị L, sinh ngày 18/4/2017 và Điều Thị H1, sinh ngày 30/11/2012; Khi ly hôn bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. *Lời trình bày của bị đơn ông Điều H tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2022 như sau:*

- Về hôn nhân: Ông Điều H và bà Điều Thị D tự nguyện chung chung với nhau từ năm 2007 và đến năm 2010 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bp, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhưng không có việc đánh đập bà D. Hiện nay vợ chồng vẫn chung sống với nhau nhưng như hai người xa lạ, không ai quan tâm đến nhau, không nói chuyện trao đổi lẫn với nhau, nhưng ông H vẫn còn tình cảm với bà D nên ông H không đồng ý ly hôn với bà D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Điều Thị L, sinh ngày 18/4/2017, Điều Thị H1, sinh ngày 30/11/2012. Trường hợp nếu ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Điều Thị D được ly hôn với ông Điều H.

Về con chung: Giao 02 người con chung là Điều Thị L, sinh ngày 18/4/2017, Điều Thị H1, sinh ngày 30/11/2012 cho bà Điều Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn bà Điều Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Điều H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông Điều H cư trú tại xã P, huyện Bp, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Điều H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng ông H vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Điều Thị D và ông Điều H tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bp, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 63 ngày 07 tháng 12 năm 2010. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống bà Điều Thị D và ông Điều H chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, không chăm lo cho kinh tế và cuộc sống gia đình, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên bà Điều Thị D và ông Điều H đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông H cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, coi nhau như người xa lạ, không nói chuyện với nhau, trong cuộc sống mạnh ai người đó sống. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà Điều Thị D và ông Điều H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị D, cho bà Điều Thị D được ly hôn ông Điều H.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà Điều Thị D và ông Điều H có 02 người con chung là Điều Thị L, sinh ngày 18/4/2017, Điều Thị H1, sinh ngày 30/11/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Điều Thị D và ông Điều H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ. Tuy nhiên, hiện nay cháu Điều Thị L và Điều Thị H1 đã đã trên 7 tuổi nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Lê và cháu Hằng thì các cháu Lê, Hằng đều có nguyện vọng được sống cùng với bà Điều Thị D. Do đó, để đảm bảo về mặt tinh thần cũng như tạo điều kiện phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, cộng dân có ích cho xã hội thì đối với yêu cầu bà Điều Thị D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Điều Thị Danh phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Điều Thị D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Điều Thị D và ông Điều H.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là Điều Thị L, sinh ngày 18/4/2017 và Điều Thị H1, sinh ngày 30/11/2012 cho bà Điều Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho bà Điều Thị D kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Điều Thị D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Điều Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0006034 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Phước Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Công**